

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Thanh

2. Ông Phan Văn Hoat

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2019, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Hải, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm: 1970

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Phú Hải, phường Cam Phú, thành phố C. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2019, bản khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Mai Xuân T có thời gian tìm hiểu nhau được 3 năm và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Phú, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 12, quyển số 01 cấp ngày 26/02/2001.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc

nhưng đến tháng 3/2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu bia về nhà chửi bới vô cớ, đánh đập bà, bà không nhờ gia đình hai bên hay chính chính quyền can thiệp mà tự mình khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T vẫn chứng nào tật đó, sự việc vợ chồng mâu thuẫn kéo dài gây ảnh hưởng đến sinh hoạt, học hành con cái gây bất hòa giữa cha con, giữa vợ và chồng, tuy còn chung sống trong một nhà nhưng vợ chồng mặc ai nấy sống không còn quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Xuân T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là cháu Mai Xuân T, sinh ngày 25/10/1995, Mai Xuân T1, sinh ngày 09/4/1997 và Mai Thành T2, sinh ngày 29/5/2007. Các con Mai Xuân T, Mai Xuân T1 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thành T2 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà làm nghề buôn bán hải sản đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Xuân T trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như bà H đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông T cho rằng do bà H đi sớm về khuya mà không nói lý do nên ông buồn có đi uống rượu bia về lời qua tiếng lại với bà, ông xác nhận có lỗi nhưng ông không bao giờ đánh đập bà, ông xác định vẫn còn tình cảm với bà H, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông xác định đúng như bà H trình bày, ông yêu cầu trong trường hợp ly hôn thì ông đồng ý để bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thành T2 và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung: Bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thành Tiên và ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xét. Bà H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn.

Giấy khai sinh Mai Xuân T, Mai Xuân T1, Mai Thành T2.

Chứng minh nhân dân mang tên Mai Xuân T, Nguyễn Thị H.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Mai Xuân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn ông Mai Xuân T. Yêu cầu của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 12, quyển số 01 cấp ngày 26/02/2001. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến tháng 3/2019 thì giữa bà H và ông T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình, sẽ chia công việc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tuy vợ chồng còn chung sống với nhau trong một nhà nhưng bỏ mặc không còn quan tâm nhau, bà H xác định tình cảm hiện nay với ông T không còn nữa và kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay ông T xác định vẫn còn tình cảm với bà H nhưng từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay ông T không có biện pháp để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và cũng không đến tòa để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ ông thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thành T2 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Bà H có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thành T2, sinh ngày 29/5/2007 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, mặt khác cháu Mai Thành T2 có nguyện vọng được chung sống với bà H. Tại phiên tòa ông T cũng đồng ý để bà H nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo nguyện vọng của cháu T2. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thành Tiên và cũng phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông T về việc ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, bà H và ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H, ông Mai Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Mai Xuân T.

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thành T2, sinh ngày 29/5/2007.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông T về việc ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, bà Nguyễn Thị H và ông Mai Xuân T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị H, ông Mai Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000335 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị H, ông Mai Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Cam Phú
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy